

**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÙNG PHƯƠNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÙNG PHƯƠNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HUNG PHUONG PHARMACEUTICAL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109172977

**3. Ngày thành lập:** 05/05/2020

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

A10-NV4 ô số 28, KĐT M hai bên đường Lê Trọng Tấn, Xã An Khánh, Huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>- Bán buôn dược liệu, nguyên liệu sản xuất thuốc;<br>- Kinh doanh thực phẩm chức năng.                                                                                           | 4649     |
| 2.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                                                                                                                                                | 4620     |
| 3.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632     |
| 4.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4633     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4641     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4651     |
| 7.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4652     |
| 8.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>- Bán buôn máy móc, thiết bị y tế | 4659     |
| 9.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4661     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                 | 4662 |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                             | 4663 |
| 12. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)                                                                                                                          | 4669 |
| 13. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                | 4711 |
| 14. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 15. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                    | 4722 |
| 16. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                      | 4723 |
| 17. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                              | 4741 |
| 18. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                | 4752 |
| 19. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                             | 4772 |
| 20. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                    | 4781 |
| 21. | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                                                                     | 1010 |
| 22. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                                                             | 1020 |
| 23. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                                                                        | 1030 |
| 24. | Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột                                                                                                                                                                                                       | 1062 |
| 25. | Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự                                                                                                                                                                                                        | 1074 |
| 26. | Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn                                                                                                                                                                                                               | 1075 |
| 27. | Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản                                                                                                                                                                                                       | 1080 |
| 28. | Sản xuất hoá chất cơ bản                                                                                                                                                                                                                            | 2011 |
| 29. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                      | 2022 |
| 30. | Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh                                                                                                                                                                              | 2023 |
| 31. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                             | 4759 |
| 32. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;<br>- Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;<br>- Sản xuất mực vẽ và in | 2029 |

|     |                                                                                                                                                                                                 |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;<br>(Không bao gồm: hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu). | 8299(Chính) |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ<br>(Loại trừ hoạt động đầu giá tài sản)                                        | 4789        |
| 35. | Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo                                                                                                                                                             | 1073        |
| 36. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                                             | 4931        |
| 37. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                              | 4932        |
| 38. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                  | 4933        |

**6. Vốn điều lệ:** 55.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 5.500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN NĂNG MẠNH | Cụm 3, Xã Hiệp Thuận, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | Cổ phần phổ thông         | 495.000    | 4.950.000.000         | 9,000     | 112382218                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                      | Tổng số                   | 495.000    | 4.950.000.000         | 9,000     |                                                                                             |         |

|   |                      |                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |
|---|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|----------------|--------|------------------|--|
| 2 | NGUYỄN THỊ<br>HẢI HÀ | Cụm 6, Thôn Hạ<br>Thái, Xã Duyên<br>Thái, Huyện<br>Thường Tín,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 1.100.0<br>00 | 11.000.000.000 | 20,000 | 0011850030<br>99 |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Tổng số                            | 1.100.0<br>00 | 11.000.000.000 | 20,000 |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |
| 3 | NGUYỄN THỊ<br>PHƯƠNG | Đội 1, thôn Thạch<br>Bích, Xã Bích<br>Hòa, Huyện<br>Thanh Oai, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 3.905.0<br>00 | 39.050.000.000 | 71,000 | 0011940124<br>76 |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0              | 0,000  |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 | Tổng số                            | 3.905.0<br>00 | 39.050.000.000 | 71,000 |                  |  |
|   |                      |                                                                                                 |                                    |               |                |        |                  |  |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài, nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|     |             |                                                                                  |                 |               |                                                                                     |              |                                                                                                                                             |            |

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HẢI HÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 25/06/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001185003099

Ngày cấp: 31/10/2016

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Cụm 6, Thôn Hạ Thái, Xã Duyên Thái, Huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Căn hộ số 22H2 chung cư Viện bảo tàng quốc gia, Đường Phùng Hưng, Xã Tân Triều, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội